

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 36, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, 150, 370, 371 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 116, 117 và 118 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Dân sự thụ lý số 199/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự

- Bà **Lê Thùy T**, sinh năm 1989

Nơi cư trú: khu phố 2, phường Phú Thủy, thành phố P, tỉnh Bình Thuận;

- Ông **Nguyễn Minh T1**, sinh năm 1986

Nơi cư trú: 199 phường Đỗ Nhuận, khu Ngoại giao đoàn, Quận B, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lê Thùy T và ông Nguyễn Minh T đã ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường Phú Thủy, thành phố P, tỉnh Bình Thuận ngày 19/10/2015. Nay bà T, ông T1 xác định mâu thuẫn đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn.

[2] Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: bà Lê Thùy T và ông Nguyễn Minh T1 thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: ông, bà có 01 (một) người con chung là Nguyễn Lê Khả H (nữ), sinh ngày 07/02/2017. Ông, bà thỏa thuận sau ly hôn sẽ giao cháu Khả H cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng.

Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Sau khi ly hôn, ông T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con, yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại các Điều 83, 84 và 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- *Về tài sản chung*: ông, bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: ông, bà khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: bà Lê Thùy T và ông Nguyễn Minh T1 phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng lệ phí giải quyết việc dân sự. Ngày 14/8/2024, bà T, ông T1 đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002024 tại Chi cục thi hành án thành phố P. Bà T và ông T1 đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thành phố P;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hồ Nữ Kiều Mỹ